

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM  
NHÀ MÁY IN TIỀN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2024

Số: 405/NMI-VT  
V/v báo giá phụ tùng máy BPS

Kính gửi: - Hãng G+D (Giesecke+Devrient Asia Pacific Limited)  
- Công ty TNHH Tự động hóa Thái Bình Dương  
- Quý đơn vị quan tâm

Nhà máy In tiền Quốc gia có nhu cầu mua sắm phụ tùng cho máy phân loại và đóng gói sản phẩm hình nhỏ BPS 2000 OBIS (máy BPS) với số lượng, chủng loại theo danh mục đính kèm công văn này.

Đề nghị Quý đơn vị quan tâm gửi báo giá và cung cấp tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất kèm theo cho Nhà máy In tiền Quốc gia để chúng tôi có cơ sở tiến hành các thủ tục mua sắm theo quy định. Thời gian gửi báo giá đến hết ngày 10/8/2024.

Trân trọng thông báo và mong nhận được sự hợp tác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P. Vật tư (Đ.T.Hào); Văn thư.



Nguyễn Văn Long



## DANH MỤC VẬT TƯ PHỤ TÙNG MÁY BPS 2000

| STT | Mã hiệu   | Tên phụ tùng Tiếng Việt              | Tên phụ tùng Tiếng Anh                           | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|----------|
| 1   | 102240011 | Đĩa xếp chồng hình nón 2 GEBR        | Spiral stacker disk 2                            | Chiếc  | 15       |
| 2   | 152463001 | Băng chuyền D=3 (L=493)              | Transport belt (L=493)                           | Chiếc  | 20       |
| 3   | 152466001 | Băng chuyền D=3 (L=620)              | Transport belt (L=620)                           | Chiếc  | 20       |
| 4   | 152468001 | Băng chuyền D=3 (L=436)              | Transport belt (L=436)                           | Chiếc  | 20       |
| 5   | 100199001 | Bộ phận đẩy                          | Pusher                                           | Chiếc  | 10       |
| 6   | 152470001 | Băng chuyền D=3 (L=673)              | Transport belt (L=673)                           | Chiếc  | 30       |
| 7   | 100611001 | Băng chuyền D=3 (L=756)              | Transport belt (L=756)                           | Chiếc  | 10       |
| 8   | 100612001 | Băng chuyền D=3 (L=995)              | Transport belt (L=995)                           | Chiếc  | 10       |
| 9   | 100619001 | Băng chuyền D=3 (L=2950)             | Transport belt (L=2950)                          | Chiếc  | 10       |
| 10  | 181674000 | Bộ kiểm đếm từng tờ                  | Stopper                                          | Chiếc  | 2        |
| 11  | 519878001 | Đèn Halogen 21V                      | Halogen lamp OBIS L/R EKE 21V150W                | Chiếc  | 10       |
| 12  | 192925000 | Đèn Halogen 12V 100W                 | Halogen lamp OBIS T 12V 100W                     | Chiếc  | 10       |
| 13  | 182328000 | Điều khiển động cơ (WD3)             | Stepper motor driver (WD3)                       | Chiếc  | 1        |
| 14  | 116732021 | Bản mạch SMTR KPL                    | Stepper motor driver PCB (SMTR PCB)              | Chiếc  | 1        |
| 15  | 152469001 | Băng chuyền D=3 (L=712)              | Transport belt (L=712)                           | Chiếc  | 15       |
| 16  | 102837001 | Bản mạch TE-TR                       | Photo detector test driver PCB assembly          | Chiếc  | 2        |
| 17  | 146218031 | Bản mạch đơn máy tính 486AMS-BUS1.05 | Single Board Computer                            | Chiếc  | 1        |
| 18  | 207524011 | Bản mạch đơn máy tính SBC 486/05 DX2 | Single Board Computer (SEC) 486/05 (DX2) AMS BUS | Chiếc  | 1        |
| 19  | 208063061 | Mạch SAP-4MB-33MHZ                   | Circuit board SAP-4MB-33MHZ                      | Chiếc  | 1        |
| 20  | 102439011 | Bản mạch SMTR-RW                     | Stepper motor driver - rear panel (SMTR-RP)      | Chiếc  | 1        |
| 21  | 246807000 | Cuộn điện từ 220V 1500W              | HEATING LEFT (coil electric, 220v, 1500w)        | Chiếc  | 1        |
| 22  | 151107001 | Bộ ly hợp động cơ GR42X25/PLG32      | Gear motor assembly                              | Cái    | 1        |
| 23  | 222774021 | Động cơ bước KPL                     | Stepper motor assembly                           | Cái    | 1        |
| 24  | 105449041 | Máy in BR KPL                        | Band printer assembly                            | Cái    | 1        |
| 25  | 516825000 | Máy in nhiệt SQUIX 4/300P            | Thermal transfer printer, A4+/300P               | Cái    | 1        |
| 26  | 256920011 | Nguồn đèn hồng ngoại                 |                                                  | Bộ     | 1        |
| 27  | 225432011 | Lò xo BR ANGEG                       | Folding spring                                   | Chiếc  | 5        |





| STT | Mã hiệu   | Tên phụ tùng Tiếng Việt            | Tên phụ tùng Tiếng Anh                       | Đơn vị | Số lượng |
|-----|-----------|------------------------------------|----------------------------------------------|--------|----------|
| 28  | 106211000 | Ốc vít M3 x 3.000                  | Screw                                        | Chiếc  | 30       |
| 29  | 101709001 | Lò xo                              | Spring                                       | Chiếc  | 5        |
| 30  | 100411001 | Đế giữ                             | Support                                      | Chiếc  | 3        |
| 31  | 246805000 | Đai nẹp SIL.20X10MM                | Tape, silicone                               | Mét    | 1        |
| 32  | 246802000 | Đai nẹp TEFL. H-60                 | Tape, teflon                                 | Mét    | 5        |
| 33  | 260232000 | Thanh hàn                          | Welding bar                                  | Chiếc  | 2        |
| 34  | 246806000 | Cartridge nhiệt 220V 300W          | SEALING BAR HEATER 1                         | Chiếc  | 1        |
| 35  | 216748000 | Interface Hostess 550              | Serial adapter (Hostess 550)<br>8x RS232     | Cái    | 1        |
| 36  | 277334001 | Bộ chuyển đổi ánh sáng OBIS<br>30° | Illumination unit OBIS-L/R                   | Bộ     | 2        |
| 37  | 274638001 | Cảm biến HALF LI 1724 TMS          | Illumination unit TMS (cable<br>with 6 pins) | Bộ     | 1        |

